TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2021
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đình Mạnh và bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đăng H, sinh năm 1979.

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn MT, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Trần Trung Kiên – Luật sư Văn phòng luật sư Á Đông thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1981.

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn MT, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Đều có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vũ Đăng H trình bày yêu cầu như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Vũ Thị N được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/11/2001. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh tại thôn MT, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống và hiểu nhầm nhau nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào khoảng đầu năm 2018, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn MT, xã TH sinh sống. Sau khi vợ chồng ly thân, anh và chị N cũng không có bất kỳ biện pháp nào để hòa giải, đoàn tụ. Gia đình hai bên cũng chưa lần nào tiến hành hòa giải cho hai vợ chồng. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị N.

+ *Về con chung*: Anh và chị N có 02 con chung là Vũ Thị Hồng V, sinh ngày 09/8/2002 và Vũ Ngọc T, sinh ngày 09/7/2012 (cháu T hiện đang sống cùng anh).

Đối với con chung Vũ Thị Hồng V: Hiện con chung Vũ Thị Hồng V đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Vũ Ngọc T: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh và chị N đã thỏa thuận giao con chung Vũ Ngọc T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi theo như nguyện vọng của cháu Vũ Ngọc T. Chị N nuôi con, không yêu cầu anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung anh cũng nhất trí.

+ *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Anh và chị N tự thỏa thuận giải quyết nên anh không đề nghị tòa án giải quyết trong vụ án này.

Theo bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Vũ Thị N trình bày quan điểm như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian kết hôn và quá trình tổ chức cuộc sống chung của vợ chồng chị và anh H như anh H trình bày là đúng. Chị xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có quan hệ với người khác dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, xô

xát. Chị đã tha thứ cho anh H nhưng anh H không thay đổi. Đến đầu năm 2018, do không chịu được cuộc sống như vậy nên chị đã xin phép gia đình nhà chồng để trở về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng chị ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Gia đình hai bên cũng không có biện pháp nào giúp vợ chồng chị khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm. Giữa chị và anh H đã không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau từ lâu. Nay, anh H làm đơn xin ly hôn, quan điểm của chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn chung sống với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được tuy nhiên do anh H chưa đáp ứng hết các yêu cầu của chị nên chị không nhất trí với yêu cầu ly hôn của anh H.

+ *Về con chung*: Chị và H có 02 con chung là Vũ Thị Hồng V, sinh ngày 09/8/2002 và Vũ Ngọc T, sinh ngày 09/7/2012 (cháu T hiện đang sống cùng anh H).

Đối với con chung Vũ Thị Hồng V: Đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Vũ Ngọc T: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc T cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

+ *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh Vũ Đăng H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Vũ Thị N cũng như quan điểm về quyền nuôi con chung và không yêu cầu phân chia tài sản chung. Chị Vũ Thị N giữ nguyên ý kiến đã trình bày đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H và đối với quyền nuôi con chung, chị N không yêu cầu phân chia tài sản chung.

N*gười bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến*: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện vợ chồng anh H và chị N có nhiều mâu thuẫn trầm trọng và đã được làm rõ tại phiên tòa. Hiện nay, anh H và chị N không còn chung sống với nhau, các bên cũng đã thỏa thuận được về việc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chia tài sản chung do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh H về việc xin ly hôn chị N và công nhận thỏa thuận của các bên về việc nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Đăng H, xử cho anh Vũ Đăng H được ly hôn với chị Vũ Thị N.

Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc T, sinh ngày 09/7/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Vũ Đăng H là người khởi kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Đăng H khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với chị Vũ Thị N, hiện anh H và chị N đều đang cư trú tại xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đăng H và chị Vũ Thị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2001 tại UBND xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Khi đăng ký kết hôn, anh H và chị N đều đủ tuổi và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn của vợ chồng: Anh H và chị N đều xác định trong cuộc sống vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh H xác định là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, hiểu nhầm nhau nên xảy ra cãi chửi nhau. Tuy nhiên chị N không đồng ý với anh H và xác định nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh H có quan hệ với người khác dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát. Đầu năm 2018 do mâu thuẫn nên anh H và chị N đã sống ly thân, chị N về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống và từ đó cho đến nay hai bên không còn quan tâm hay có bất kỳ biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Theo ý kiến của bố mẹ chị N cung cấp: Vợ chồng anh H và chị N có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và một phần do anh H có quan hệ với người khác nên hai vợ chồng xảy ra xô sát, cãi nhau, anh H có lần còn đánh chị N. Do mâu thuẫn nên chị N đã bỏ về nhà đẻ ở từ năm 2018 cho đến nay và hai vợ chồng cũng không có bất kỳ biện pháp nào để đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương để làm rõ mâu thuẫn, theo trưởng thôn MT cung cấp: Anh H và chị N kết hôn với nhau từ năm 2001 và chung sống với nhau tại thôn MT, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, hiện chị N về sống tại gia đình bố mẹ đẻ ở cùng thôn MT. Từ thời gian đó cho đến nay anh H, chị N không có biện pháp nào để đoàn tụ.

Từ những căn cứ nêu trên có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị N đã căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm và chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N cũng không có ý định đoàn tụ cùng anh H do đó cần cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, xử cho anh H ly hôn chị N là phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh H và chị N đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị Hồng V, sinh ngày 09/8/2002 và Vũ Ngọc T, sinh ngày 09/7/2012. Hiện nay cháu V đã trưởng thành và đang theo học đại học tại Hà Nội, cháu T đang ở cùng với anh H.

Đối với con chung Vũ Thị Hồng V: Con chung đã trên 18 tuổi trưởng

thành, anh H, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với con chung Vũ Ngọc T: Anh H và chị N tự nguyện thỏa thuận giao cho chị N nuôi con chung Vũ Ngọc T cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thỏa thuận nêu trên của anh H, chị N là phù hợp với nguyện vọng của con chung Vũ Ngọc T. Mặt khác, chị N có nơi ăn ở ổn định tại nhà bố mẹ đẻ và đang là công nhân cho Công ty TNHH Summit JC Vina, có mức thu nhập ổn định khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ một tháng có đủ điều kiện nuôi con do đó cần công nhận sự tự thỏa thuận nêu trên của anh H, chị N, giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc T là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Vũ Đăng H là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Đăng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Đăng H được ly hôn chị Vũ Thị N.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Giao cho chị Vũ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Ngọc T, sinh ngày 09/7/2012, thời gian kể từ tháng 09/2021 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Chị Vũ Thị N tự nguyện không yêu cầu anh Vũ Đăng H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vũ Đăng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh H, chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Đăng H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0005913 ngày 21/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã TH, huyện Bình Giang;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Hải